

DỰ THẢO**BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ
Về tình hình thực hiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp
đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ**

Trong những năm qua, thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020 và để góp phần tháo gỡ khó khăn cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường, hệ thống chính sách thuế đã từng bước được hoàn thiện vừa nhằm đảm bảo động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước (NSNN), vừa cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp. Bên cạnh những yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, tốc độ phục hồi kinh tế chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro, rào cản thương mại có xu hướng gia tăng và tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Giá dầu tiếp tục biến động, khó dự báo. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN, Hiệp định CPTPP cùng nhiều hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, mở ra nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức.

Để hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh trước những diễn biến của kinh tế thế giới và trong nước cũng như sức ép ngày càng gay gắt từ hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là đối tượng dễ bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực hơn, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) số 04/2017/QH14, trong đó đã quy định về các chính sách hỗ trợ tổng quát để hỗ trợ phát triển DNNVV, trong đó có chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện các quy định về chính sách thuế TNDN nói chung, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nói riêng thấy rằng bên cạnh những kết quả đạt được đã phát sinh một số bất cập, chưa theo kịp thực tế phải khắc phục để tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Cụ thể như sau:

Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 đã được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 3/6/2008 thay thế cho Luật thuế TNDN sửa đổi năm 2003 và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009. Luật thuế TNDN đã quy định

cụ thể về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế TNDN.

Qua 10 năm thực hiện, Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 đã cơ bản đạt được mục tiêu đề ra như công khai, minh bạch, đơn giản, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn; tiếp tục tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh thuận lợi, đảm bảo công bằng, bình đẳng trong cạnh tranh; góp phần tạo sự chuyển biến trong phân bổ nguồn lực, khuyến khích và thu hút đầu tư có chọn lọc để phát triển các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số ngành, lĩnh vực quan trọng theo chính sách phát triển của Nhà nước; góp phần đảm bảo nguồn thu cho NSNN và bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Tuy nhiên, do sự biến động nhanh của nền kinh tế nên một số quy định trong Luật thuế TNDN đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, không theo kịp sự vận động của thực tiễn. Cụ thể: không có quy định ưu đãi cho doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh nên chưa tạo động lực khuyến khích các doanh nghiệp đang hoạt động bỏ thêm vốn đầu tư; chưa bao quát toàn diện các nghiệp vụ kinh tế mới phát sinh... vì vậy, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế số 71/2014/QH13. Theo đó Chính phủ cũng ban hành các Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, số 91/2014/NĐ-CP và số 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật. Qua 3 năm thực hiện các quy định về thuế TNDN tại các Luật sửa đổi, bổ sung và Nghị định của Chính phủ cho thấy các nội dung sửa đổi, bổ sung đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn thu NSNN, tuy nhiên vẫn còn một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Cụ thể:

I. Những kết quả đạt được

1. Chính sách thuế TNDN đã góp phần thực hiện các định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước

Thuế TNDN đã điều tiết được hầu hết các khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo nguồn thu lớn, tập trung và ngày càng ổn định cho ngân sách nhà nước, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, cải thiện môi trường kinh doanh và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của cộng đồng các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Thuế TNDN đã xóa bỏ hẳn sự đối xử phân biệt giữa các thành phần kinh tế, giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Từ đó góp phần tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, các khu vực hoạt động cũng như tạo điều kiện cho sản xuất và kinh doanh phát triển.

2. Chính sách thuế TNDN ngày càng công khai, minh bạch, đơn giản, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn, góp phần đảm bảo quyền lợi và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người nộp thuế

- *Thứ nhất*, về thuế suất: Luật thuế TNDN đã thực hiện đúng lộ trình mà Chiến lược cải cách thuế giai đoạn 2011-2020 đã đặt ra. Từ 01/01/2009 giảm từ 28% xuống 25% và từ 01/01/2014 giảm từ mức 25% xuống 22%, riêng doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa được áp dụng mức 20% ngay từ 1/7/2013. Từ ngày 01/01/2016, mức thuế suất phổ thông là 20%.

- *Thứ hai*, về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: Chính sách thuế cũng được sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp thông lệ quốc tế là cho phép trừ các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có kèm theo các hoá đơn, chứng từ hay quy định về các khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN chặt chẽ phù hợp thực tế qua đó góp phần hạn chế tình trạng các doanh nghiệp lợi dụng để chuyển giá, trốn thuế. Việc bỏ quy định không chế khoản chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, hỗ trợ tiếp thị... đã đảm bảo phù hợp với thực tiễn, phản ánh đúng bản chất của khoản chi, bảo hộ hợp lý đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo môi trường thu hút đầu tư hấp dẫn hơn.

- *Thứ ba*, về ưu đãi thuế: để đảm bảo sự nhất quán với Luật Đầu tư, Luật thuế TNDN đã chuyển đối tượng hưởng ưu đãi thuế theo diện đầu tư mới từ pháp nhân (doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư) sang ưu đãi thuế theo dự án đầu tư mới của doanh nghiệp. Luật thuế TNDN đã mở rộng phạm vi lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn được ưu đãi thuế như: Bổ sung ưu đãi thuế đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng chế biến nông sản, thủy sản; Bổ sung vào diện áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế tối đa trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 9 năm tiếp theo đối với: Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 nghìn tỷ đồng, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ...; Bổ sung vào diện áp dụng thuế suất ưu đãi 20% (từ 01/01/2016 là 17%), miễn thuế tối đa trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 4 năm tiếp theo đối với: dự án đầu tư mới sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống...; Bổ sung quy định miễn giảm thuế đối với dự án đầu tư mở rộng nếu đáp ứng một số tiêu chí theo quy định.

3. Bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế

Luật thuế TNDN hiện hành áp dụng thống nhất một mức thuế suất phổ thông 20%, áp dụng thống nhất mức ưu đãi thuế đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp không phân biệt giữa các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

Luật thuế TNDN quy định các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN phù hợp với thông lệ quốc tế.

Luật quy định việc bảo lưu các cam kết của Chính phủ về ưu đãi đối với doanh nghiệp được thành lập trước ngày Luật có hiệu lực thi hành: được tiếp tục hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh hoặc chọn hưởng ưu đãi theo Luật mới cho thời gian còn lại nếu vẫn tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế.

II. Những tồn tại, hạn chế

Qua 10 năm thực hiện các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật thuế TNDN và văn bản hướng dẫn, về cơ bản phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của đất nước nên đã phát huy được những tác động tích cực nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của nền kinh tế cũng như mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng, Quốc hội đã đề ra về việc xây dựng các chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ phù hợp với giai đoạn phát triển mới, chính sách thuế TNDN đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế sau:

1. Về một số chính sách thuế TNDN

Trước ngày 01/01/2014 Luật thuế TNDN quy định thuế suất áp dụng chung là 25%. Từ ngày 01/01/2014 Luật số 32/2013/QH13 đã quy định lộ trình áp dụng thuế suất thuế TNDN, theo đó từ 01/01/2014 áp dụng thuế suất phổ thông là 22% và từ ngày 01/01/2016 là 20%; riêng doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa (doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng) được áp dụng thuế suất 20% từ ngày 01/7/2013, sớm hơn so với lộ trình nêu trên.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy doanh nghiệp có quy mô nhỏ vẫn luôn là mục tiêu trọng tâm của các chính sách phát triển kinh tế ở những quốc gia đang phát triển (trong đó có Việt Nam). Chính phủ nhiều nước đã thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ trên các phương diện khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp có quy mô nhỏ, trong đó chính sách hỗ trợ về thuế cũng là công cụ thường được các nước sử dụng. Nhiều nước có quy định doanh nghiệp có quy mô nhỏ được áp dụng mức thuế suất thấp hơn mức thuế suất phổ thông như: Ở một số quốc gia như Hàn Quốc, Hà Lan, Bra-xin,... không có quy định về mức thuế suất thuế TNDN phổ thông cũng như mức thuế ưu đãi đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Tuy nhiên, ở các quốc gia này, thuế TNDN được đánh lũy tiến với các mức thuế suất cao hơn áp dụng đối với phần thu nhập chịu thuế ở mức cao: **Hàn Quốc** áp dụng mức thuế suất 10% đối với 200 triệu Won chịu thuế đầu tiên, 20% đối với phần thu nhập chịu thuế từ 200 triệu Won đến 20 tỷ Won, 22% đối với phần thu nhập chịu thuế trên 20 tỷ Won. **Hà Lan** áp dụng thuế suất 20% đối với 200.000 EUR thu nhập chịu thuế đầu tiên, 25% đối với phần thu nhập chịu thuế vượt 200.000 EUR¹. **Bra-xin** áp dụng thuế suất 15% đối với 240.000 ry-an thu nhập chịu thuế đầu tiên, 25% đối với phần thu nhập chịu thuế vượt 240.000 ry-an. Riêng ở **Ma-**

¹ Nguồn: <https://www.duijntax.com/en/dutch-corporate-income-tax-rate>

lai-xi-a có quy định mức thuế suất phổ thông là 24%; tuy nhiên doanh nghiệp thường trú có vốn góp từ 2,5 triệu ring-git trở xuống được áp dụng mức thuế suất 19% đối với 500.000 ring-git thu nhập chịu thuế đầu tiên, 24% đối với phần thu nhập chịu thuế vượt 500.000 ring-git.

Ở **Trung Quốc**, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 25%, doanh nghiệp nhỏ² được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 20%. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2015-2017, để hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ, các doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế thấp còn được ưu đãi nhiều hơn như áp dụng thuế suất 10% trong giai đoạn 01/01/2015 - 31/12/2017 cho doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế nhỏ hơn 200.000 NDT và mức 20% trong giai đoạn 01/01/2015 - 30/9/2015, 10% trong giai đoạn 01/10/2015 - 31/12/2017 cho doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ 200.000 - 300.000 NDT. Kể từ ngày 01/01/2019 - 31/12/2021, áp dụng mức 5% đối với doanh nghiệp có thu nhập tính thuế dưới 1 triệu NDT, mức 10% đối với doanh nghiệp có thu nhập tính thuế từ 1 triệu NDT đến 3 triệu NDT.

Ở **Thái Lan**, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20% nhưng các doanh nghiệp có quy mô nhỏ cũng được áp dụng thuế suất ưu đãi ở mức thấp hơn. Theo đó, các doanh nghiệp có quy mô nhỏ có thu nhập chịu thuế từ 300.000 бат trở xuống được miễn thuế, từ 300.001 - 3.000.000 бат được áp dụng mức thuế suất 15% và trên 3.000.000 бат áp dụng mức thuế suất 20%. Đặc biệt, trong giai đoạn 2016 - 2017, để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp có quy mô nhỏ, Thái Lan thực hiện ưu đãi nhiều hơn đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ như từ 01/01/2016 - 31/12/2016 thực hiện miễn thuế hoàn toàn cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ và từ 01/01/2017 - 31/12/2017 thực hiện miễn thuế cho doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ 300.000 бат trở xuống và áp dụng thuế suất 10% cho doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế lớn hơn 300.000 бат.

Ở nước ta, hiện số lượng doanh nghiệp có quy mô nhỏ chiếm đa số trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động và đang giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế cũng như ổn định xã hội. Thực tế giai đoạn 2008 - 2015, để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp có quy mô nhỏ phát triển, Quốc hội đã ban hành nhiều Nghị quyết về hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho một số đối tượng doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và tại Luật thuế TNDN cũng đã quy định chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ được áp dụng mức thuế suất (20%) thấp hơn mức thuế suất phổ thông (25%, 22%) trong giai đoạn 2013 - 2015.

Theo Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018, trong đó: Tại Điều 10 quy định: “*Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn*

² Doanh nghiệp nhỏ ở Trung Quốc là: (i) Doanh nghiệp công nghiệp có thu nhập chịu thuế không quá 300.000 NDT, tổng số lao động không quá 100 người; tổng tài sản không quá 30 triệu NDT; hoặc (ii) Doanh nghiệp khác có thu nhập chịu thuế không quá 300.000 NDT, tổng số lao động không quá 80 người và tổng tài sản không quá 10 triệu nhân dân tệ.

mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.”.

Tại điểm d khoản 2 Điều 16 Luật Hỗ trợ DNNVV có quy định về chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh như sau: *“Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”.*

Vì vậy, để tiếp tục cụ thể hóa chủ trương hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp có quy mô nhỏ theo tinh thần Luật Hỗ trợ DNNVV thì cần xây dựng chính sách ưu đãi thuế đối với nhóm đối tượng là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, đặc biệt là chính sách ưu đãi để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình hoạt động sang doanh nghiệp.

2. Về phương pháp tính thuế TNDN theo tỷ lệ cho doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ

Tại Điều 10 Luật Hỗ trợ DNNVV quy định: *“Doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.”.*

- Triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV nêu trên, để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện chế độ kế toán, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019), theo đúng thẩm quyền được Quốc hội giao tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14. Thông tư số 132/2018/TT-BTC được ban hành đã đơn giản hóa tối đa công tác kế toán, phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ, trong đó đối với doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN tính trên tỷ lệ doanh thu nếu lập Báo cáo tài chính thì không phải nộp cho cơ quan thuế mà được bảo quản, lưu trữ tại doanh nghiệp để phục vụ cho mục đích thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Theo Luật thuế TNDN và văn bản hướng dẫn hiện hành thì các doanh nghiệp thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp trực tiếp, có thu nhập chịu thuế TNDN xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí của hoạt động kinh doanh thì thu theo tỷ lệ ấn định.

Do vậy, để tiếp tục cụ thể hóa các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp có quy mô nhỏ theo tinh thần của Luật Hỗ trợ DNNVV, góp phần tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động hiệu quả như chỉ đạo của Chính phủ thì cần đưa ra những nhóm giải pháp rất cụ thể để khuyến khích thành lập doanh nghiệp. Do đó, nhằm đạt mục tiêu vừa đơn giản trong quản lý, vừa hạn chế tối đa vướng mắc phát sinh, thì cần thiết phải quy định và áp dụng phương pháp tính thuế đối với doanh nghiệp siêu nhỏ doanh thu hàng năm không quá 3 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10

người được kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ trong trường hợp không xác định được thu nhập.

III. Một số nội dung kiến nghị

Để khắc phục những tồn tại, vướng mắc của chính sách thuế TNDN, hỗ trợ, tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ phù hợp với thực tế cũng như thực hiện chủ trương, quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, kiến nghị quy định và áp dụng một số chính sách về thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ như sau:

1. Về một số chính sách thuế TNDN

1.1. Về điều kiện, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ được áp dụng ưu đãi

Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, quy định tiêu chí phân loại đối tượng DNNVV như sau:

“Điều 6. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa.

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh

thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”

Theo đó, việc xác định đối tượng doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa kết hợp nhiều tiêu chí (tiêu chí về doanh thu với tiêu chí về số lượng lao động hoặc tiêu chí về vốn với tiêu chí về số lượng lao động nhưng đều có phân biệt theo từng ngành, lĩnh vực). Trong thực tế thực hiện sẽ tạo ra sự không thống nhất, khó khăn cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý, đồng thời việc áp dụng ưu đãi đối với cả doanh nghiệp có quy mô vừa sẽ tạo ra sự dàn trải, làm giảm tính hấp dẫn và hiệu quả của chính sách hỗ trợ, giảm thu NSNN lớn.

Từ thực tế đa số doanh nghiệp ở Việt Nam là doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp nhỏ và các doanh nghiệp càng có quy mô nhỏ thì càng dễ bị tổn thương trước những biến động của nền kinh tế, môi trường kinh doanh, trước sự cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế. Và cũng từ thực tế quá trình áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ đã được thực hiện trong giai đoạn từ 2008 -2015 theo các Nghị quyết của Quốc hội về hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho một số đối tượng doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và tại Luật thuế TNDN cũng đã xác định doanh nghiệp có quy mô nhỏ được áp dụng mức thuế suất (20%) thấp hơn mức thuế suất phổ thông (25%, 22%) trong giai đoạn 2013 - 2015 là doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng (theo đó chỉ gồm các doanh nghiệp siêu nhỏ và một số doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ nếu dựa trên tiêu chí doanh thu theo quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV nêu trên).

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội và thu ngân sách hiện nay thì việc xác định đối tượng doanh nghiệp để đề xuất giải pháp hỗ trợ cần phải dựa trên nguyên tắc: hỗ trợ đúng, trúng đối tượng để đạt được lợi ích kinh tế, xã hội cao nhất nhưng lại không làm ảnh hưởng lớn đến thu NSNN, đặc biệt là tránh tình trạng ưu đãi dàn trải, làm giảm hiệu quả của chính sách khuyến khích, hỗ trợ.

Để đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng cần hỗ trợ, đặc biệt là khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp theo mục tiêu tại Nghị quyết số 10-NQ/TW đặt ra là *“đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp; đến năm 2025 có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp và đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp”*, phù hợp với quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV và thực tế áp dụng chính sách hỗ trợ đối với nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ thời gian qua, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện của doanh nghiệp và cơ quan quản lý, Bộ Tài chính đề xuất áp dụng một số chính sách ưu đãi về thuế TNDN đối với các đối tượng sau: *Doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh; Doanh nghiệp có tổng doanh thu hàng năm không quá 03 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người (thuộc nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ); Doanh nghiệp có tổng doanh*

thu không quá 50 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người (thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ).

1.2. Về nội dung chính sách

Để tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp có quy mô nhỏ phát triển, cụ thể hóa quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, Bộ Tài chính đề xuất doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN 15%, doanh nghiệp nhỏ được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN 17%. Các mức thuế suất này đảm bảo sự khuyến khích đối với doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ (mức này bằng với mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, lĩnh vực chế biến nông sản, thủy sản và theo mức thuế suất này thì mức độ khuyến khích đối với doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ thậm chí còn cao hơn giai đoạn 2014-2015³).

Đồng thời, để tạo ra động lực mạnh mẽ trong khuyến khích các đối tượng là hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp mà theo đánh giá đây là nhóm đối tượng cần tập trung khuyến khích theo mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp vào năm 2020, đề xuất thực hiện chính sách ưu đãi cho các đối tượng này theo hướng: *Miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ thành lập mới từ hộ kinh doanh* (thời gian miễn thuế này bằng với thời gian miễn thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và dự án đầu tư mới thuộc một số lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế TNDN hiện hành). Sau thời gian miễn thuế này, trường hợp doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh thực hiện dự án đầu tư thuộc ngành nghề, địa bàn ưu đãi thuế thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi (thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế) tương ứng theo quy định của pháp luật về thuế TNDN. Hết thời gian miễn thuế và thời gian hưởng ưu đãi thuế (nếu có), doanh nghiệp thực hiện mức thuế suất thuế TNDN tương ứng với điều kiện thực tế của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật về thuế TNDN.

Để phù hợp với quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, đề xuất quy định rõ về điều kiện của hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp được hưởng chính sách ưu đãi.

Đồng thời, rà soát các quy định của Luật thuế TNDN, Luật Đầu tư hiện hành về các trường hợp không được áp dụng chính sách ưu đãi thuế, để không xảy ra tình trạng lợi dụng chính sách thông qua việc thành lập doanh nghiệp mới để hưởng ưu đãi sau đó giải thể và tiếp tục thành lập doanh nghiệp khác để hưởng ưu đãi; hay việc thành lập các công ty con, công ty liên kết để chuyển doanh thu, lợi nhuận nhằm được hưởng ưu đãi, đề xuất quy định rõ tại Nghị quyết về điều kiện của doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh được ưu đãi miễn thuế, về biện pháp kỹ thuật áp dụng để tránh lợi dụng và các trường hợp cụ thể khác không được áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế TNDN.

³ Giai đoạn 2014-2015, DNNVV áp dụng mức thuế suất 20%, tức là được giảm 2% so với mức thuế suất phổ thông (22%). Hiện nay, mức thuế suất phổ thông là 20% nên đề xuất mức thuế suất 15%, 17% thì DNNVV được giảm 3% - 5% so với mức thuế suất phổ thông.

2. Về phương pháp tính thuế đơn giản cho doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ

Để đạt mục tiêu vừa đơn giản trong quản lý, vừa hạn chế tối đa vướng mắc phát sinh, đề xuất doanh nghiệp siêu nhỏ (có doanh thu hàng năm không quá 03 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người) nếu không xác định được chi phí và thu nhập thì thực hiện phương pháp tính thuế TNDN theo tỷ lệ trên doanh thu, cụ thể:

a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,4%.

b) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,2%.

c) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%. Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý sổ xổ, đại lý bán hàng đa cấp 4%.

d) Hoạt động khác: 0,8%.

Doanh thu làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng tỷ lệ thuế trên doanh thu là tổng doanh thu của năm trước liền kề và được áp dụng ổn định cho mỗi giai đoạn ba năm, kể từ năm áp dụng.

Các trường hợp nộp thuế theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu thì không phải kiểm tra quyết toán thuế khi giải thể, phá sản.

Trên đây là nội dung cơ bản về đánh giá tổng kết những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện các quy định về chính sách thuế TNDN đối với doanh nghiệp nói chung, trong đó có doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ nói riêng trong thời gian qua đồng thời đề xuất giải pháp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ trong thời gian tới./.